TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 6 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị B, sinh năm 1979; Cư trú tại: Ấp HM, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Quãng H, sinh năm 1977; Cư trú tại: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị B trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị B chung sống với ông Trương Quãng H vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu ngày 02/10/2013. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, ông H chỉ muốn sống cuộc sống tự do không làm tròn trách nhiệm với vợ con. Bà và ông H đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn gắn bó yêu thương. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có một con chung tên Trương Nhựt D, sinh ngày 20/11/2014. Hiện tại con chung do bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với ông Trương Quãng H:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H biết về yêu cầu khởi kiện của bà B nhưng ông H không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trương Quãng H đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà B và ông H chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, bà B xác định do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà B nên đủ căn cứ xác định rằng ông không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Bắc.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà B được ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà B thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, từ khi bà B và ông H ly thân nhau đến nay con chung đều do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, bà B vẫn đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con, đồng thời ông H cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của bà B. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trương Nhựt D cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà B yêu cầu được tự thỏa thuận, ông H không có ý kiến hay yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Bà B xác định không có, ông H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B.

1.1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị B được ly hôn ông Trương Quãng H.

1.2. Về con chung: Giao Trương Nhựt D, sinh ngày 20/11/2014 cho bà Trương Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trương Quãng H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị B phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012016 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Trúc